

TÒA ÁN QUÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 QUÂN KHU 4 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số 03/2019/HS-ST
Ngày 10 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 4

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thượng tá Nguyễn Anh Phong;

Các Hội thẩm quân nhân:

Thượng úy Đỗ Văn Chung;

Thượng úy Lương Trung Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Thượng úy Trần Quang Hiếu, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 4;

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 42 tham gia phiên tòa: Thượng úy Đậu Đức Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 4, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Cao Đình Đ. Tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày 12/6/1974; nơi sinh: thị trấn QL, huyện GT, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: số nhà 14/19 đường PL, tổ 5, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; số CMND: 191676836; nghề nghiệp: Bộ đội; cấp bậc: Thiếu tá; chức vụ: trợ lý Tham mưu, Ban chỉ huy quân sự thị xã HT, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 22/4/2019). Họ và tên cha: Cao Đức R (đã chết); họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N (đã chết); họ và tên vợ: Văn Thị Thu H, sinh năm 1979, nghề nghiệp: lao động tự do; bị cáo có 02 con: con lớn 14 tuổi, con nhỏ 07 tuổi, cả hai đang là học sinh, hiện đều đang cư trú tại số nhà 14/19 đường PL, tổ 5, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tiền án, tiền sự: không; không có án tích; chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- Bị hại:

1. Đỗ Duy V, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ 5, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Hoàng Thị Minh A, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ 5, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. NLC1, vắng mặt.

2. NLC2, vắng mặt.

3. NLC3, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23 tháng 10 năm 2018, Cao Đình Đ điện thoại cho anh NLC1, sinh năm 1992, trú tại số nhà 14 đường PHT, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế để thuê chở hàng và hẹn đến đón tại cổng sau của Ban CHQS thị xã HT, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế chở cho Cao Đình Đ bộ bàn ghế. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày NLC1 điều khiển xe ô tô tải BKS 75C - 076.63 đến địa điểm trên để đón Đ, Đ lên xe và hướng dẫn NLC1 điều khiển xe đến nhà anh Đỗ Duy V ở tổ 5, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, trên đường đi Đ nói với NLC1 là lấy bộ bàn ghế gỗ của đứa em. Khi đến nhà anh V, lúc đó khoảng 07 giờ 37 phút, nhà anh V không có ai, cổng không có cánh cổng mà chỉ dùng tấm lưới bằng thép B40 cài lại, lúc này Đ xuống mở tấm lưới thép B40 và hướng dẫn NLC1 điều khiển xe vào bên trong sân nhà anh V. Sau đó, Đ nhờ NLC1 khiêng bộ bàn ghế làm bằng gỗ để trong nhà anh V (gồm một bàn, tám ghế) lên xe rồi chở về nhà Cao Đình Đ tại số 14/19 đường PL, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi Đ và NLC1 đang khiêng bộ bàn ghế lên xe thì hàng xóm của anh V là NLC2 trú tại tổ 5, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng kiến sự việc nên đã đến nhà NLC3 là chủ quán cà phê AC ở số nhà 116 đường TH, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế nhờ người gọi điện thoại báo cho anh V biết. Khi nhận được tin báo, vợ chồng anh Đỗ Duy V về nhà kiểm tra thì phát hiện bị mất 01 (một) bộ bàn ghế gồm 01 (một) bàn và 08 (tám) ghế làm bằng gỗ trị giá 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Đến khoảng 08 giờ 10 phút anh V đến Công an phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế trình báo sự việc. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Cao Đình Đ gọi điện thoại báo cho anh V biết là đã lấy bộ bàn ghế, hiện đang để tại nhà Đ. Sau đó, Công an thị xã HT đã triệu tập Cao Đình Đ đến làm việc và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Hậu quả: Tài sản mà Cao Đình Đ đã chiếm đoạt của gia đình anh Đỗ Duy V là: 01 (một) cái bàn bằng gỗ, hình chữ nhật, cao 77cm, dài 2m, rộng 81cm; loại bàn có 04 chân, mặt bàn có 01 (một) tấm kính có kích thước theo kích thước của mặt bàn; 08 (tám) cái ghế bằng gỗ, mỗi chiếc có kích thước: cao 101cm, chân ghế cao 40cm, mặt ghế có kích thước 41cm x 40cm; loại ghế có thể tựa lưng khi ngồi; có trị giá là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Cao Đình Đ khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/10/2018 tôi có gọi điện cho NLC1 là người lái xe tải chuyên chở đồ thuê và nhờ anh này đến đón tôi tại Ban CHQS thị xã HT, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoảng 07 giờ 30 phút NLC1 đến cổng sau của cơ quan tôi, tôi cùng NLC1 đi xe tải của NLC1 về nhà anh Đỗ Duy V tại phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi đến nhà Đỗ Duy V, trong nhà không có ai, cổng không có cánh cổng mà chỉ có tấm lưới thép B40 móc lại, tôi xuống xe tháo móc tấm lưới thép B40 rồi hướng dẫn NLC1 điều khiển xe vào bên trong sân nhà. Sau đó, tôi cùng NLC1 vào nhà khiêng bộ bàn ghế của nhà anh V đưa lên xe chở về nhà tôi tại số nhà 14/19 đường PL, tổ 5, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, tôi gọi điện cho anh V và nói là tôi đã chở bộ bàn ghế của V, hiện đang để ở nhà tôi. Đến khoảng 16 giờ thì Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế gọi điện thoại yêu cầu tôi đến làm việc.

Bị hại Đỗ Duy V và Hoàng Thị Minh A khai: Sáng ngày 23/10/2018 chúng tôi đang làm việc tại Công ty cổ phần EG, đóng tại khu công nghiệp PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế thì có NLC3 gọi điện báo cho chúng tôi là có chiếc xe tải màu xanh đến nhà chúng tôi và đã chở bộ bàn ghế đi. Sau đó, chúng tôi về nhà kiểm tra thì thấy mất một bộ bàn ghế làm bằng gỗ trị giá 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*), chúng tôi liền đến trình báo với Công an phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoảng 15 giờ 30 phút, anh Đ có gọi điện cho chúng tôi nói là đã chở bộ bàn ghế của chúng tôi và hiện đang để ở nhà Đ; đến khoảng 16 giờ, Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế gọi chúng tôi và anh Đ đến làm việc. Tại đây, cơ quan Công an đã tạm giữ bộ bàn ghế gỗ của chúng tôi và giao cho chúng tôi bảo quản bộ bàn ghế trên. Đến ngày 11/4/2019, Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 Quân khu 4 đã trả lại số tài sản trên cho gia đình chúng tôi theo Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 của Cơ quan ĐTHS Khu vực 4 Quân khu 4.

NLC1 khai: Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/10/2018, tôi nhận được điện thoại của anh Cao Đình Đ thuê tôi đến cổng sau của Ban CHQS thị xã HT đi chở đồ. Khoảng 07 giờ 30 phút tôi lái xe ô tô BKS 75C - 076.63 đến chỗ hẹn, anh Đ đến và nói với tôi là đi chở bộ bàn ghế, còn ở đâu, chở cho ai thì anh Đ không nói, tôi chỉ đi theo sự chỉ dẫn của anh Đ. Khi đến trước ngôi nhà không có cổng ở tổ 5, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế thì Đ xuống xe đến kéo tấm lưới thép B40 dùng để khóa cổng (nhà không có cửa cổng) rồi hướng dẫn tôi lái xe vào trong sân nhà rồi cùng Đ vào khiêng bộ bàn ghế gỗ để ở trong nhà ra đưa lên xe và chở về nhà Đ tại địa chỉ 14/19 đường PL, tổ 5, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế theo sự chỉ dẫn của Đ, sau đó, tôi lái xe đi làm việc tiếp. Trong sự việc này, tôi chỉ là người chở thuê, còn mục đích của anh Đ như thế nào tôi không hề biết.(BL-77).

NLC2 khai: Vào khoảng 07 giờ 35 phút ngày 23/10/2018 tôi đang ở tầng 2 nhà tôi thì tôi nhìn thấy có một chiếc xe tải nhỏ màu xanh vào nhà anh V, trên xe có hai người đàn ông. Khi xe vào trong sân nhà anh V, hai người đàn ông xuống xe đi vào nhà và khiêng bộ bàn ghế gỗ của nhà anh V lên xe chở đi, tôi liền chạy đến

quán cà phê A C cạnh nhà tôi nói với mọi người biết sự việc và hỏi có ai biết số điện thoại của anh V để báo cho anh V biết, lúc đó NLC3 là chủ quán đã gọi điện báo. Khoảng 08 giờ cùng ngày, hai vợ chồng anh V về nhà và trình báo với Công an phường. (BL-81).

NLC3 khai: Khoảng 07 giờ 50 phút, tôi đang ngồi uống cà phê tại quán cà phê của nhà tôi thì có anh NLC2 là hàng xóm chạy đến nói là nhà anh Đỗ Duy V có người lái xe ô tô tải vào chỗ bộ bàn ghế của nhà anh V khi gia đình anh V không có ai ở nhà. NLC2 hỏi có ai biết số điện thoại của anh V không để gọi điện báo cho anh V biết, tôi liền gọi điện cho người cùng làm với anh V nhờ báo cho anh V biết sự việc. Một lúc sau, vợ chồng anh V về và trình báo sự việc với Công an phường. (BL-83).

Tại Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế lập hồi 20 giờ 40 phút ngày 23/10/2018 tại nhà Cao Đình Đề ở số 14/19, đường PL, phường TD, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế thể hiện đã tạm giữ 01 (một) bộ bàn ghế gồm: 01 (một) cái bàn bằng gỗ, hình chữ nhật, cao 77cm, dài 200cm, rộng 81cm, loại có bốn chân và 01 (một) tấm kính đúng theo kích thước của mặt bàn; 08 (tám) cái ghế bằng gỗ có tựa lưng cao 101cm, chân ghế cao 40cm, kích thước mặt ghế 41cm x 40cm (BL-124).

Bản kết luận định giá tài sản số 103 ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Bộ bàn ghế bằng gỗ gồm: 01 (một) cái bàn làm bằng gỗ có bốn chân cao 77cm, dài 200cm, rộng 81cm và 01 (một) tấm kính đúng theo kích thước của mặt bàn; 08 (tám) cái ghế làm bằng gỗ có tựa lưng cao 101cm, chân ghế cao 40cm, kích thước mặt ghế 41cm x 40cm có giá trị 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). (BL-46).

Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019 của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 Quân khu 4 thể hiện đã trả lại số tài sản mà Cao Đình Đề đã chiếm đoạt gồm 01 (một) cái bàn và 08 (tám) cái ghế bằng gỗ cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Duy V và chị Hoàng Thị Minh A.

Tại bản cáo trạng số 02/CT- VKS ngày 31 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 4 truy tố Cao Đình Đề về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Cao Đình Đề về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1, 2, 3 Điều 36; các điểm h, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt Cao Đình Đề từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Trong vụ án này, bị cáo là người lao

động chính trong gia đình, vợ bị cáo không có công việc ổn định, các con của bị cáo còn nhỏ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc trả lại tài sản là 01 (một) cái bàn bằng gỗ và 08 (tám) cái ghế bằng gỗ (có đặc điểm được mô tả tại Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/10/2018 của Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế) cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Duy V và chị Hoàng Thị Minh A theo Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019 của Cơ quan ĐTHS Khu vực 4 Quân khu 4.

Bị cáo đồng ý với các nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và các biện pháp tư pháp mà không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện tự cải tạo, sớm trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 Quân khu 4, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 42, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Cao Đình Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được chứng minh tại phiên tòa như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu của Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; Bản kết luận định giá tài sản số 103 ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019 của Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 Quân khu 4. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Cao Đình Đ đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm của Kiểm sát viên là hoàn toàn có căn cứ.

[3]. Trong vụ án này, bị cáo Cao Đình Đ đã có hành vi lợi dụng khi gia đình anh Đỗ Duy V không có người ở nhà; không có ai trông coi, quản lý tài sản nên đã cố ý chiếm đoạt tài sản của gia đình anh Đỗ Duy V. Hành vi trên của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đã được pháp luật

bảo vệ, làm xấu đi hình ảnh tốt đẹp của người quân nhân cách mạng; làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương nơi đóng quân, làm giảm uy tín, danh dự của bản thân cũng như của gia đình. Do đó, cần phải xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình Nghị án, Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba; bố của bị cáo là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì; bị hại Đỗ Duy V và Hoàng Thị Minh A đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên HĐXX xét thấy có đủ điều kiện áp dụng khoản 1, 2 Điều 36 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo là người thu nhập chính trong gia đình, vợ bị cáo không có công việc ổn định, các con của bị cáo còn nhỏ. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 36 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ, nhưng miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

[5]. Trong vụ án này, có NLC1 là người được Cao Đình Đề thuê chở bộ bàn ghế của bị hại Đỗ Duy V, Hoàng Thị Minh A. Tuy nhiên, NLC1 chỉ là người chở thuê, không biết được động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo. Do đó, HĐXX không xem xét trách nhiệm hình sự đối với NLC1.

[6]. Về các biện pháp tư pháp: Trong quá trình điều tra, Cơ quan ĐTHS Khu vực 4 Quân khu 4 đã tiến hành trả lại số tài sản là 01 (*một*) cái bàn bằng gỗ và 08 (*tám*) cái ghế bằng gỗ (có đặc điểm được mô tả tại Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/10/2018 của Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế) mà bị cáo Cao Đình Đ đã chiếm đoạt, cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Duy V, chị Hoàng Thị Minh A theo Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019. HĐXX thấy việc trao trả tài sản trên đúng với quy định của pháp luật, HĐXX ghi nhận.

[7]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Cao Đình Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 260 BLTTHS năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Cao Đình Đ phạm tội “ *Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1, 2, 3 Điều 36; điểm h, i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Cao Đình Đ 12 (*mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ban CHQS thị xã HT, Bộ CHQS tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục. Buộc bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ, nhưng miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2. Về các biện pháp tư pháp:

Ghi nhận Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 4 Quân khu 4 đã tiến hành trả lại số tài sản là 01 (*một*) cái bàn bằng gỗ và 08 (*tám*) cái ghế bằng gỗ (có đặc điểm được mô tả tại Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 23/10/2018 của Công an thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế) mà bị cáo Cao Đình Đ đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Duy V, chị Hoàng Thị Minh A theo Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, bị cáo Cao Đình Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10 tháng 7 năm 2019) đối với bị cáo; đối với các bị hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4 để giải quyết theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------|---------|
| - Bị cáo: | 01 bản; |
| - Viện kiểm sát QS KV4: | 01 bản; |
| - Viện KSQS QK4: | 01 bản; |
| - C.quan ĐTHS KV4 QK4: | 01 bản; |
| - Cơ quan THAHS QK4: | 01 bản; |
| - Cơ quan THADS QK4: | 01 bản; |
| - Tòa án QSTƯ: | 01 bản; |
| - Bị hại: | 02 bản; |
| - Lưu: HS, THA. H10. | |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Thượng tá Nguyễn Anh Phong

theo Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, bị cáo Cao Đình Đề phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10 tháng 7 năm 2019) đối với bị cáo; đối với các bị hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4 để giải quyết theo trình tự phúc thẩm./.

CÁC HỘI THẨM QUÂN NHÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

theo Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, bị cáo Cao Đình Đề phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10 tháng 7 năm 2019) đối với bị cáo; đối với các bị hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4 để giải quyết theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------|---------|
| - Bị cáo: | 01 bản; |
| - Viện kiểm sát QS KV42: | 01 bản; |
| - Viện KSQS QK4: | 01 bản; |
| - C.quan ĐTHS KV4 QK4: | 01 bản; |
| - Cơ quan THAHS QK4: | 01 bản; |
| - Cơ quan THADS QK4: | 01 bản; |
| - Tòa án QSTƯ: | 01 bản; |
| - Bị hại: | 02 bản; |
| - Lưu: HS, THA. H10. | |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng tá Nguyễn Anh Phong

theo Quyết định xử lý vật chứng số 41/QĐ-XLVC ngày 09/4/2019 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/4/2019.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, bị cáo Cao Đình Đề phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 10 tháng 7 năm 2019) đối với bị cáo; đối với các bị hại trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 4 để giải quyết theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------|---------|
| - Bị cáo: | 01 bản; |
| - Viện kiểm sát QS KV42: | 01 bản; |
| - Viện KSQS QK4: | 01 bản; |
| - C.quan ĐTHS KV4 QK4: | 01 bản; |
| - Cơ quan THAHS QK4: | 01 bản; |
| - Cơ quan THADS QK4: | 01 bản; |
| - Tòa án QSTƯ: | 01 bản; |
| - Bị hại: | 02 bản; |
| - Lưu: HS, THA. H10. | |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng tá Nguyễn Anh Phong

